TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2022/DS-PT
Ngày: 09/11/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng
Các thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình
Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 396/2022/QĐ-PT ngày 11/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NVT1, sinh năm 1958. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Bị đơn: - Ông DQV2, sinh năm 1962. *(Vắng mặt)*
- Bà NTN3, sinh năm 1962. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh DVS4, sinh năm 1988. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Do có kháng cáo của ông NVT1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông NVT1 trình bày: Ngày 10/3/2010, bà N3, anh S4 có đến nhà ông để hỏi vay tiền mua xe. Qua trao đổi, ông có cho mẹ con bà N3 biết là ông làm dịch vụ cầm đồ và đưa cho mẹ con bà N3 một mẫu hợp đồng về việc cho vay có thế chấp (mẫu do ông in sẵn). Sau đó, ông bảo mẹ con bà mang về trao đổi với gia đình, nếu thống nhất thì hôm sau quay lại mang theo Chứng

minh nhân dân của ông V2, bà N3 và anh S4 (bản gốc) để ông giữ và làm giấy tờ vay tiền. Ngày 11/3/2010, mẹ con bà N3 quay lại nhà ông mang theo bản mẫu hợp đồng có chữ ký của ông V2, bà N3 và anh S4 kèm theo chứng minh nhân dân của cả ba người. Mẹ con bà N3 nói với ông là gia đình đã xem hợp đồng, thống nhất để vay tiền của ông. Với chứng minh nhân dân của anh S4 thì ông đã trả lại, còn của ông V2, bà N3, ông vẫn giữ đến nay. Ông đã nhận lại mẫu hợp đồng và thực hiện việc giao tiền cho mẹ con bà N3. Số tiền ông cho vay là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) – không làm biên bản giao; lãi suất vay là 1,7%/tháng. Quá trình cho vay, gia đình bà N3 đã trả lãi cho ông đến hết ngày 01/4/2010 tuy nhiên chưa trả cho ông nợ gốc mặc dù ông đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu gia đình thực hiện việc trả nợ. Trong hợp đồng còn có nội dung: "Để đảm bảo số tiền vay tôi là … xin thế chấp cho ông: Tiến, Tới, Thâm tài sản gồm: Có ti vi, tủ lạnh và tài sản. Nếu không trả đúng hẹn thì có quyền thu dữ tài sản để trừ vào nợ". Tuy nhiên trên thực tế hai bên không giao nhận và ông cũng không thu giữ những tài sản này để trừ vào nợ. Ông đã làm đơn khởi kiện gửi Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn để buộc gia đình bà N3 phải trả lại cho ông số nợ gốc là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày Toà án xét xử vụ án và lãi suất áp dụng là 5%/tháng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2021, ông NVT1 trình bày: Vào ngày vay thì bà N3 đã ký trước mặt ông sau đó mang về, còn ông V2, anh S4 ký ở nhà lúc nào ông không biết. Sau khi có đủ chữ ký của cả ba thì bà N3 và anh S4 mang hợp đồng đến đưa cho ông. Đối với chữ ký của anh S4 và ông V2 thì ông không có tài liệu nào khác để chứng minh chữ ký, chữ viết trong hợp đồng vay là chữ ký của ông V2 và anh S4.

Bị đơn bà NTN3 trình bày: Năm 2010, bà có vay của ông Tiến số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Do không trả được nên khoảng năm 2013, 2014, ông Tiến có khởi kiện. Năm 2014, Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn đã giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 16/9/2014. Từ đó đến nay, bà vẫn đang thực hiện theo quyết định trên và nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Ngoài lần vay tiền trên, bà không còn lần nào khác vay tiền của ông Tiến. Bà đã được Toà án cho xem hợp đồng về việc cho vay có thế chấp do ông Tiến giao nộp cho Toà án. Bà khẳng định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng này không phải của bà, chồng bà hay con bà. Vì bà chỉ học đến lớp 4 nên không thể ký đẹp như vậy được. Bà đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiến.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2022, bà NTN3 thay đổi lời khai: Bà xác nhận chữ ký, chữ viết Nhâm/NTN3 ở phần sau của Hợp đồng trên là chữ ký, chữ viết của bà. Chữ ký, chữ viết Vinh/DQV2 và Sơn/DVS4 không phải là chữ ký, chữ viết của ông V2, anh S4 nhưng bà cũng không biết là của ai. Bà xác nhận có vay của ông Tiến số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 11/3/2010. Hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bà không nhớ là bao nhiêu. Bà có trả lãi cho ông Tiến nhưng do không lưu lại giấy tờ bên không nhớ đã trả ông Tiến bao nhiêu. Bà đồng ý trả ông Tiến số tiền

7.000.000 đồng. Về lãi: Bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về chi phí giám định: Bà xin chịu chi phí giám định là 5.000.000đ theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông DQV2 trình bày: Theo ông được biết, bà N3 có vay tiền của ông Tiến một lần vào năm 2010. Tuy nhiên, sự việc trên đã được Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 16/9/2014. Từ đó đến nay, bà N3 vẫn đang thực hiện theo quyết định trên và nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Ngoài lần vay tiền trên, bà N3 còn vay tiền ông Tiến lần nào hay không thì ông không biết. Ông không có lần nào vay tiền của ông Tiến và không ký vào bất cứ Hợp đồng vay tiền nào. Ông đã được Toà án cho xem Hợp đồng về việc cho vay thế chấp do ông Tiến giao nộp cho Toà án. Ông khẳng định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng này không phải là chữ ký, chữ viết của ông, anh S4 cũng như của bà N3. Ông đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh DVS4 trình bày: Anh có quan điểm thống nhất với quan điểm của ông DQV2. Anh khẳng định không có lần nào vay tiền của ông Tiến và không ký vào bất cứ Hợp đồng vay tiền nào. Anh đã được Toà án cho xem Hợp đồng về việc cho vay thế chấp do ông Tiến giao nộp cho Toà án. Anh khẳng định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng này không phải là chữ ký, chữ viết của ông V2, anh cũng như của bà N3 và đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NVT1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVT1: Buộc bà NTN3 trả ông NVT1 số tiền nợ gốc là 7.000.000đ; số tiền nợ lãi là 6.830.293 đồng; tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N3 phải trả cho ông Tiến là 18.830.293 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm chín mươi ba đồng). Bác yêu cầu khởi kiện của ông NVT1 đối với ông DQV2.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông NVT1 là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: Buộc bà NTN3 phải trả cho ông Tiến số tiền tạm tính là 281.400.000 đồng, trong đó nợ gốc: 7.000.000 đồng; nợ lãi: 17.150.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 257.250.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông Tiến giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày và không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác, ông xác định không giữ chứng minh thư nhân dân của ông V2, bà N3. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về hình thức: Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, về hình thức là hợp lệ.

Bị đơn là ông DQV2, bà NTN3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh DVS4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông NVT1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1].Về nợ gốc: Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010 có nội dung ông NVT1 cho ông DQV2, bà NTN3 vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), với lãi suất 1,7%/tháng, thời hạn vay từ ngày 11/3/2010 đến ngày 01/4/2010. Kèm theo đơn khởi kiện, ông Tiến đã giao nộp bản gốc Hợp đồng vay nêu trên có chữ ký của ông DQV2, bà NTN3 và anh DVS4.

Tại Kết luận giám định số 291/C09-P5 ngày 08/12/2021 thể hiện: Chữ ký "Nhâm" và các chữ "NTN3" dưới mục "Người liên quan vay vốn hoặc người bảo lãnh" trên mẫu giám định ký hiệu A (tức Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010) so với chữ ký, chữ viết của NTN3 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (tức Mẫu chữ ký của bà NTN3 và trong Biên bản lấy lời khai đối chất giữa các đương sự ngày 11/3/2021) do cùng một người ký, viết ra.

Ông DQV2, anh DVS4 có tên, chữ viết, chữ ký trong Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010. Tuy nhiên, ông V2, anh S4 đều cho rằng đây không phải chữ ký của ông V2, anh S4. Ông NVT1 không có tài liệu nào khác chứng minh chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng trên là của ông V2, anh S4. Mặt khác ông cũng không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của ông Sơn, anh Vinh. Ông Tiến cũng khẳng định chỉ có bà N3 ký trước mặt ông và bà N3 là người trực tiếp nhận tiền từ ông. Do vậy, không có căn cứ để xác định ông Tiến cho ông V2, anh S4 vay cùng với bà N3, không có căn cứ để xác định ông V2, anh S4 có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà N3 cho ông Tiến.

Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 18/4/2022, bà NTN3 đã thay đổi ý kiến, đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là 7.000.000 đồng của ông NVT1. Ông Tiến và bà

N3 đều thừa nhận: bà N3 còn nợ ông Tiến theo Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010 là 7.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010 do các bên là ông NVT1, bà NTN3 ký khi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc và thể hiện đúng ý chí của các bên nên Hợp đồng này có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia hợp đồng là ông Tiến và bà N3 là có căn cứ.

[2.2].*Về nợ lãi:* Căn cứ quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng".*

Căn cứ quy định nêu trên nhận thấy việc các bên thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Mức lãi suất tối đa để áp dụng đối với khoản vay của bà N3 là 13,5%/năm để tính lãi suất trong hạn. Tại Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010 các bên thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 11/3/2010 đến ngày 01/4/2010, khi đó số tiền bà N3 còn nợ ông Tiến là 7.000.000 đồng, do đó tiền lãi trong hạn đối với khoản tiền này là: 7.000.000 đồng x 13,5%/năm: 365 ngày x 21 ngày = 54.370 đồng.

Theo nội dung Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 11/3/2010 và lời khai của ông Tiến thì bà N3 đã trả tiền lãi đối tương ứng từ ngày 11/3/2010 đến ngày 01/4/2010 với mức lãi suất 1,7%/tháng: 7.000.000 đồng x 20,4%/năm : 365 ngày x 21 ngày = 82.159 đồng.

Như vậy, số tiền bà N3 đã trả cho ông Tiến vượt quá quy định pháp luật: 82.159 đồng – 54.370 đồng = 27.789 đồng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định: *"Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả"*.

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-NHNN ngày 23/01/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 8%/năm.

Số tiền 7.000.000 đồng bà N3 phải trả ông Tiến được tính quá hạn từ ngày 01/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/6/2022 (tức 4.470 ngày):

7.000.000 đồng x 8% : 365 ngày x 4.470 ngày = 6.858.082 đồng

Tổng số tiền lãi mà bà N3 phải trả cho ông Tiến là:

6.858.082 đồng – 27.789 đồng = 6.830.293 đồng.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2.3].Về tiền chi phí giám định: Ngày 09/4/2021, ông NVT1 có đơn đề nghị giám định và nộp tạm ứng chi phí giám định là 10.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả lại cho ông Tiến 5.000.000 đồng và nộp tạm ứng chi phí giám định là

5.000.000 đồng . Tại Kết luận giám định số 291/C09-P5 ngày 08/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện yêu cầu của ông NVT1 là có căn cứ nên ông Tiến không phải chịu chi phí giám định. Do vậy, bà NTN3 phải chịu chi phí giám định. Ông Tiến đã nộp tiền chi phí giám định 5.000.000 đồng nên bà N3 phải trả lại cho ông Tiến số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi trên số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng mà ông Tiến yêu cầu bà N3 phải trả: Tiền chi phí giám định là số tiền mà bà N3 phải trả cho ông Tiến theo quyết định của Tòa án nên sẽ được tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Luật thi hành án dân sự, trong trường hợp bà N3 chậm trả.

[3]. Về án phí:

Do bà NTN3, ông NVT1 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 121, 122, 123, 124, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVT1:

Buộc bà NTN3 trả ông NVT1 số tiền nợ gốc là 7.000.000đ; Số tiền nợ lãi là 6.830.293 đồng; Tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N3 phải trả cho ông Tiến là 18.830.293 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông NVT1 đối với ông DQV2.

2. Về án phí: Bà NTN3 và ông NVT1 thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí nên không phải chịu áp phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND huyện Sóc Sơn;*
- *Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Mai Tiến Dũng